



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng

Ngày 31/12/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	17.0%	9.3%	7.1%

DT thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
10.8%
YoY: +/-▲ 0.6%

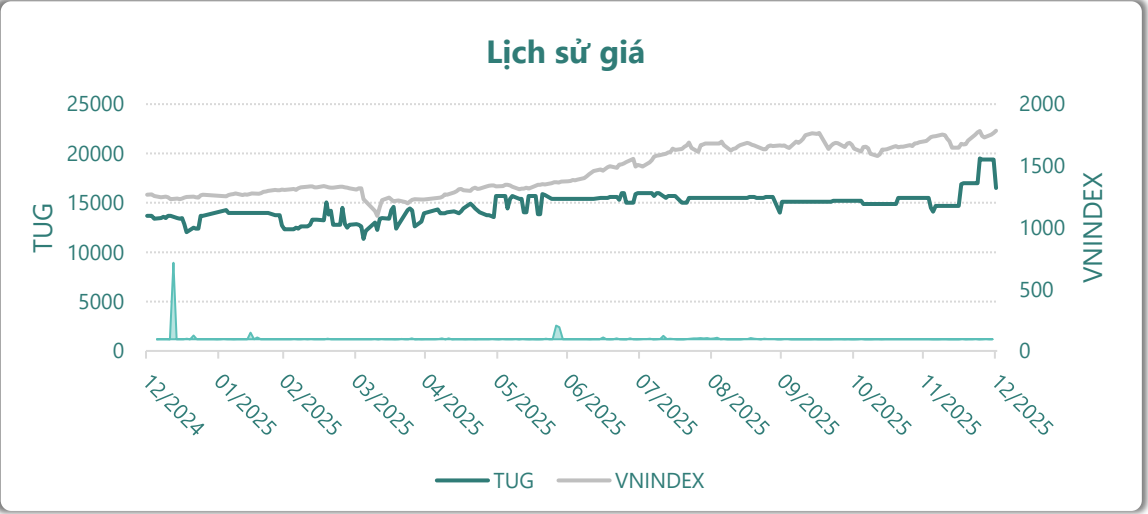
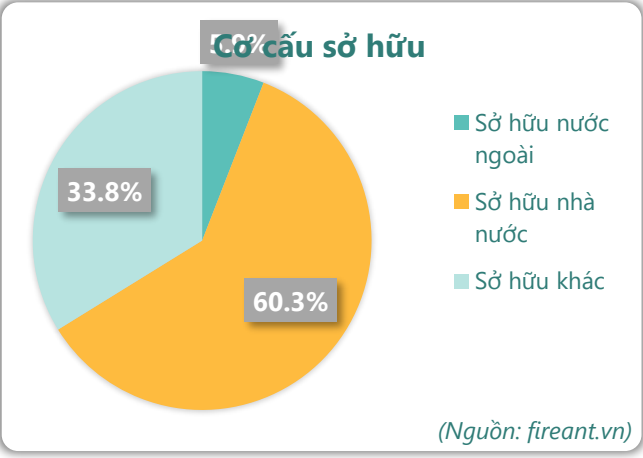
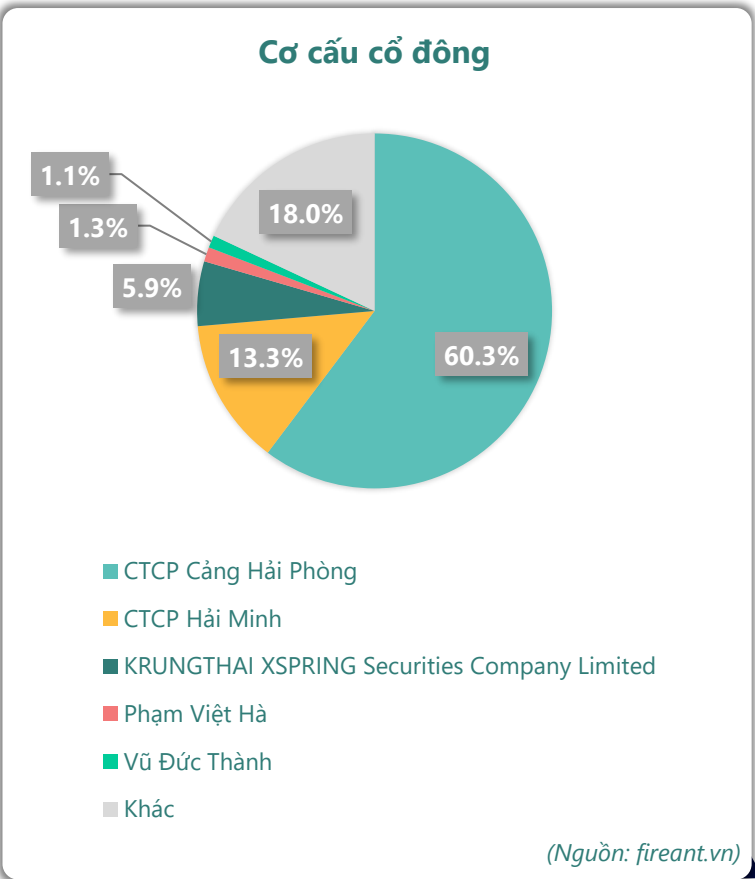
ROE 2025
11.7%
YoY: +/-▼ 2.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,349 - 19,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
Số lượng CPLH (CP)	5,375,079
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,064
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	(0.13)
EPS	
P/E	

DT thuần 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.10 2.6%

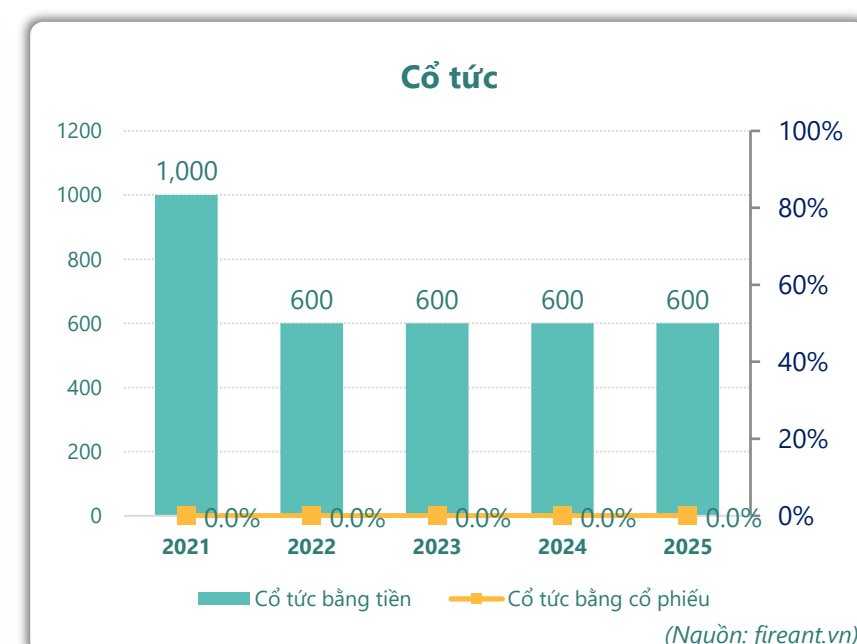
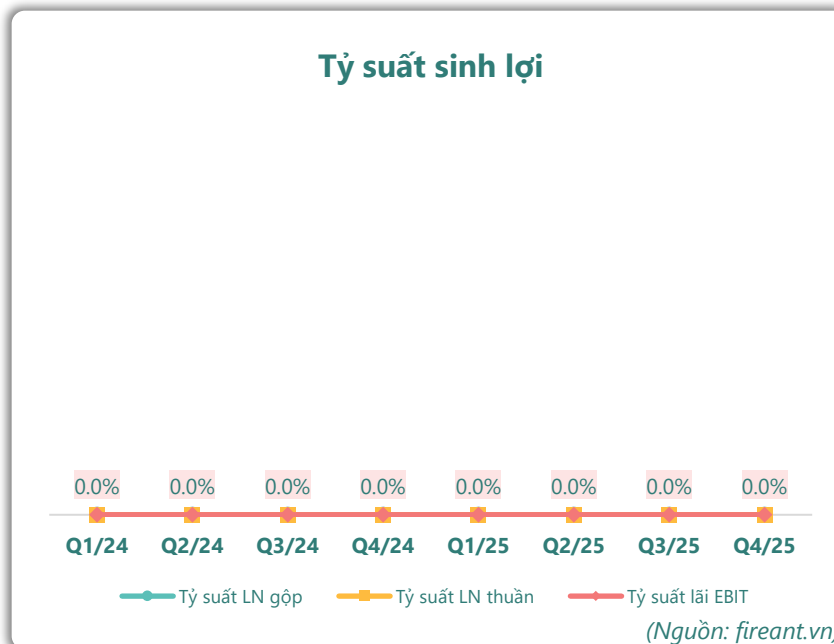
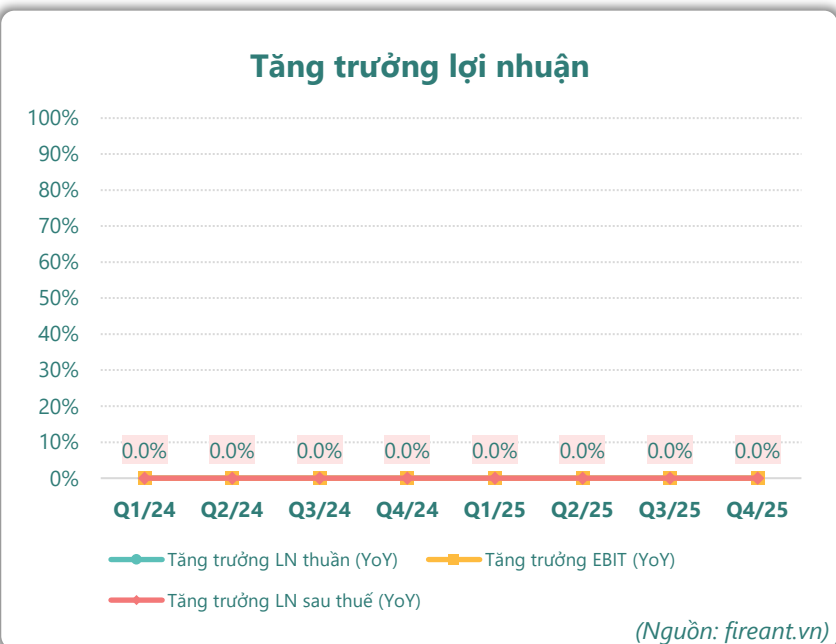
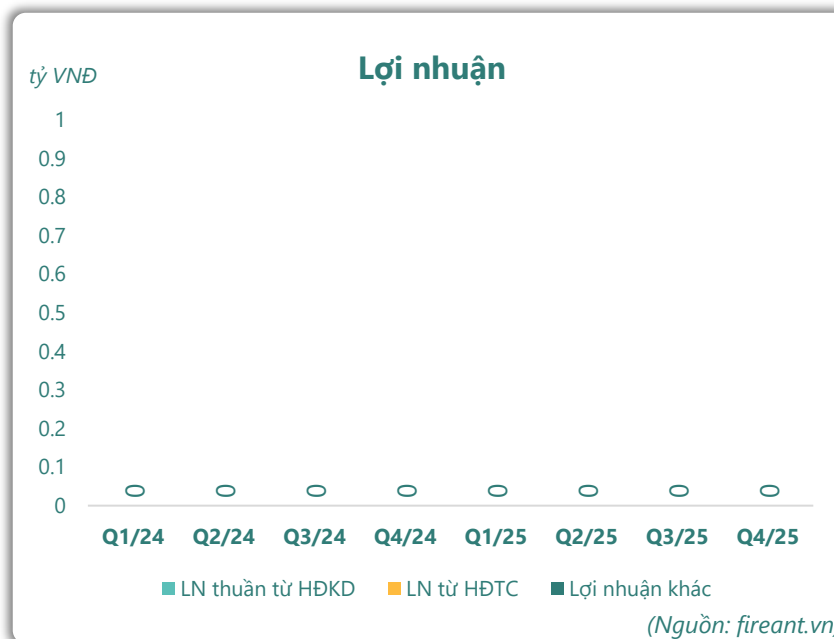
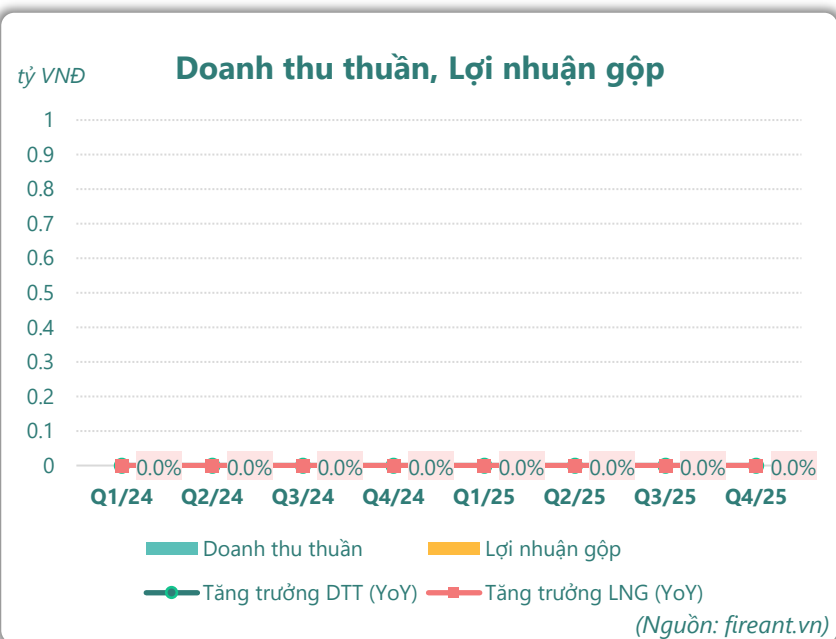
LN thuần 2025
11.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90 8.5%

LN sau thuế 2025
8.75
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.77 9.6%





KẾT QUẢ KINH DOANH

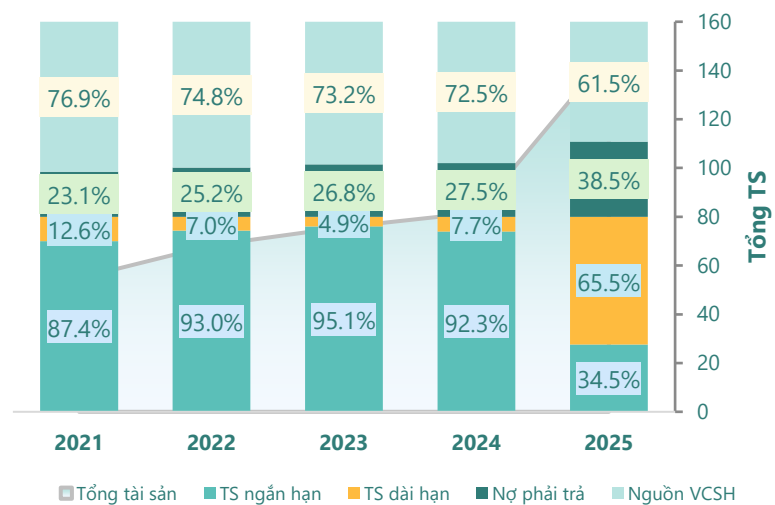




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

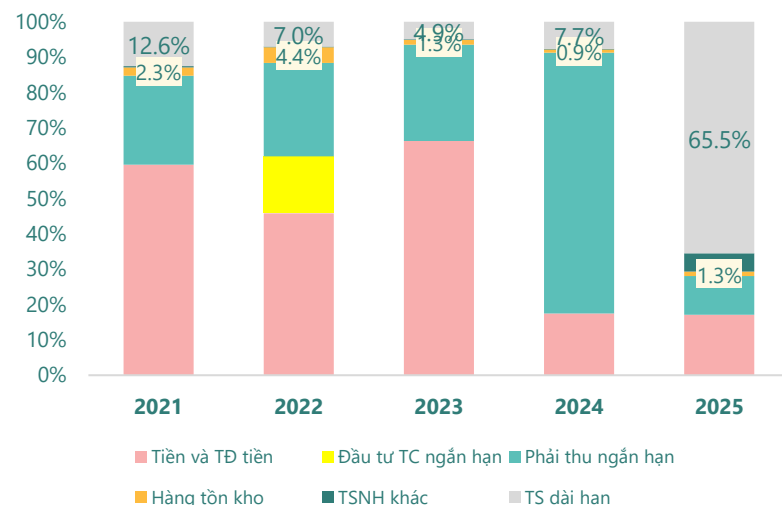
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

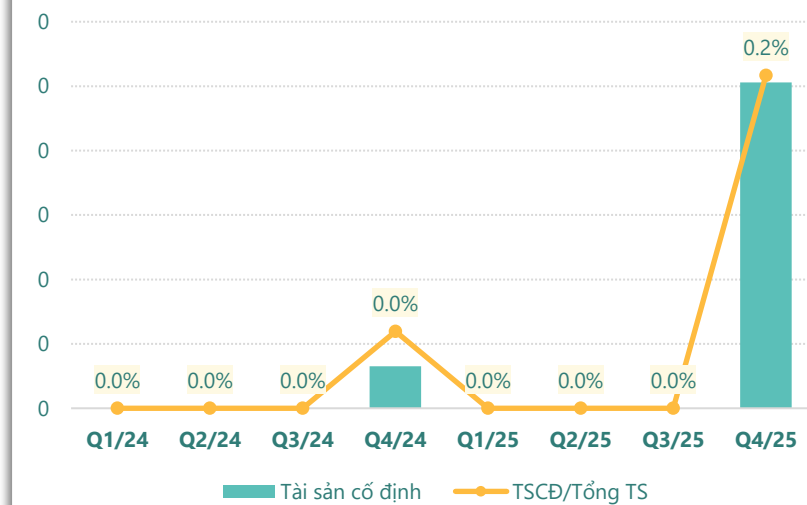
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

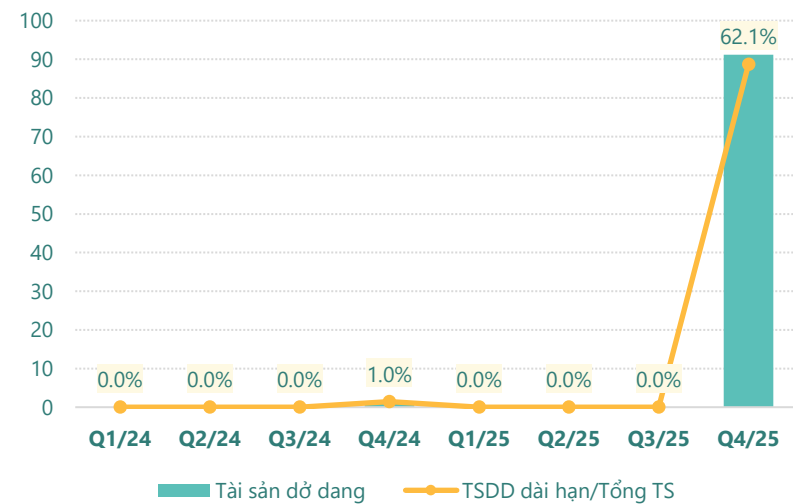
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

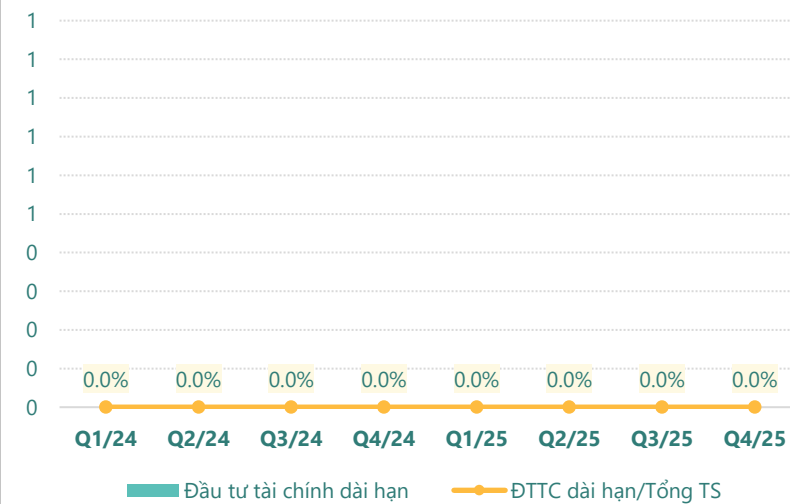
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

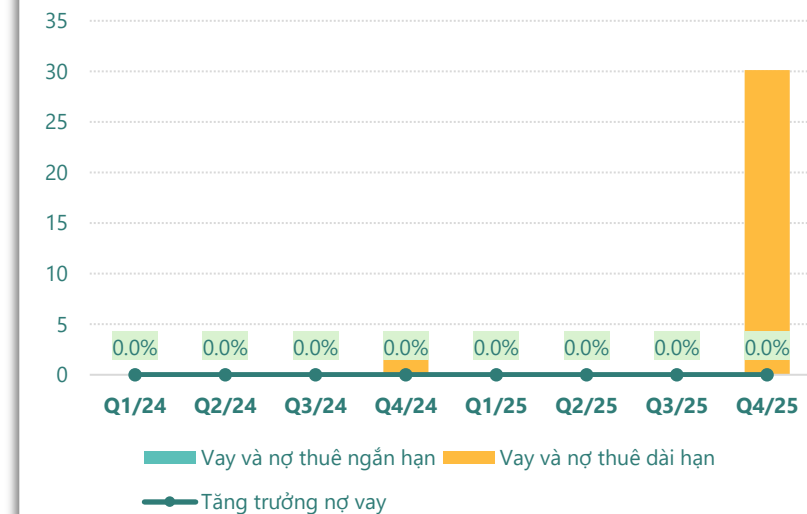
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

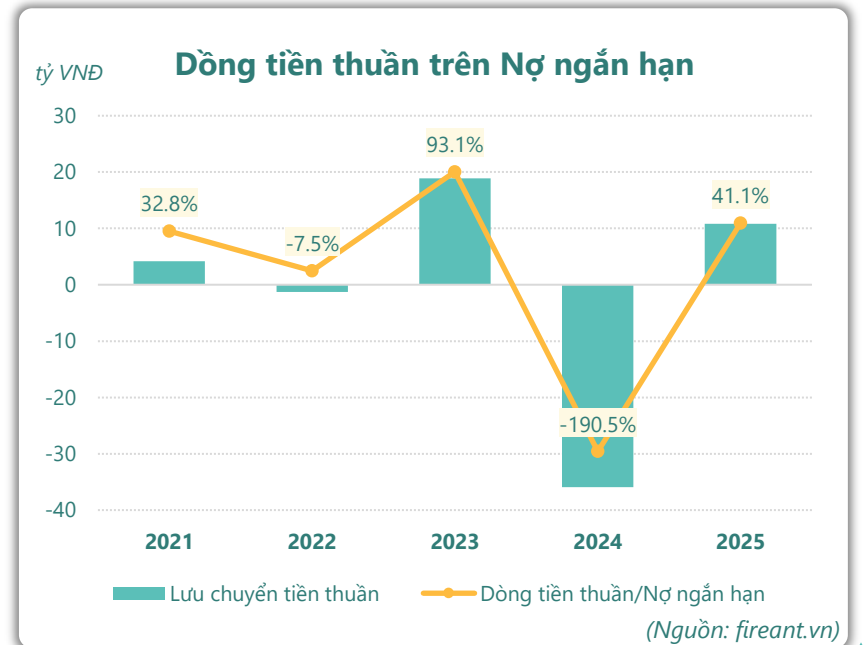
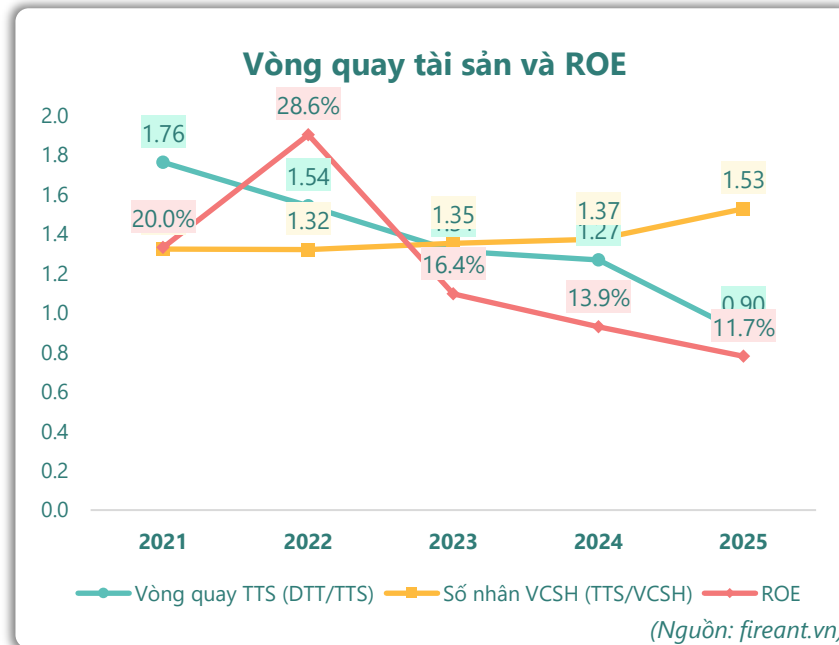
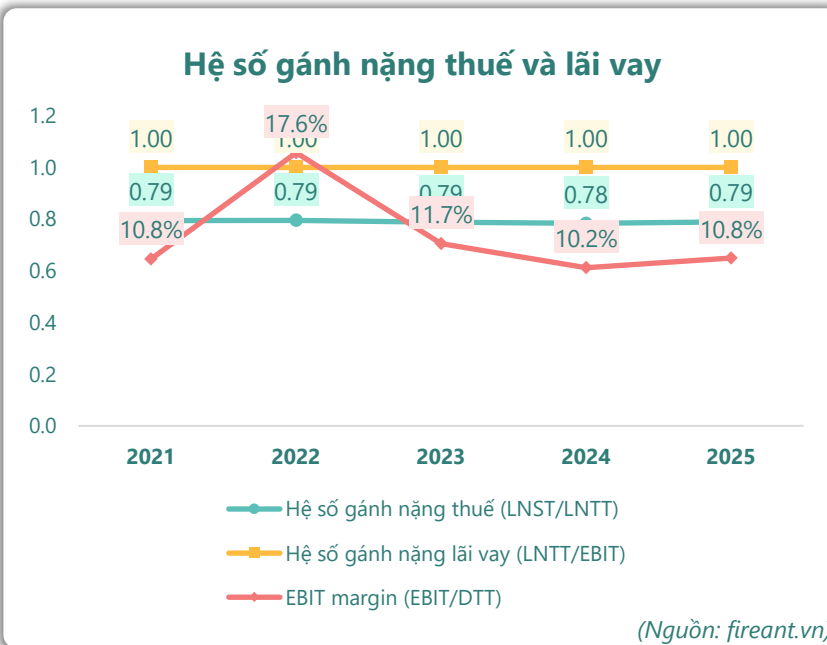
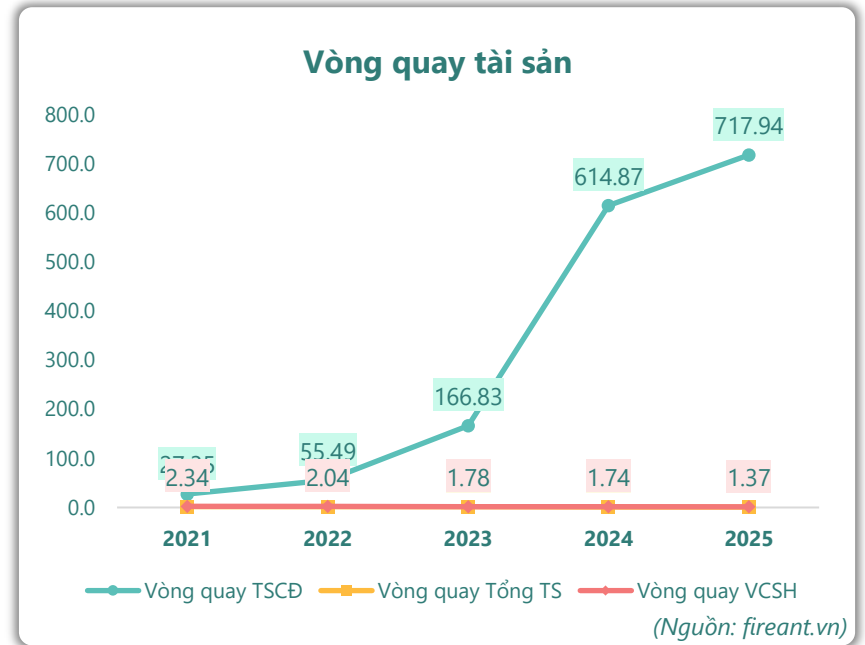
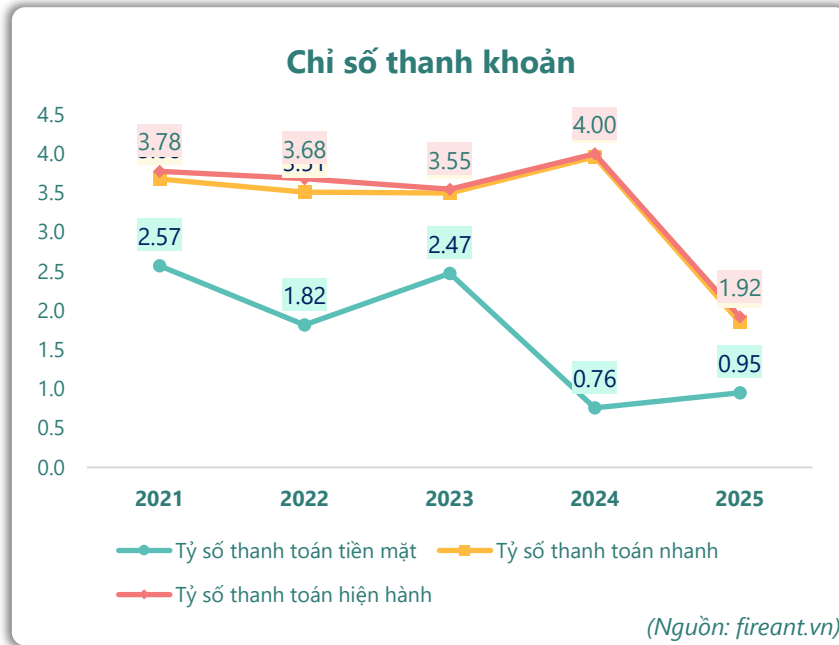
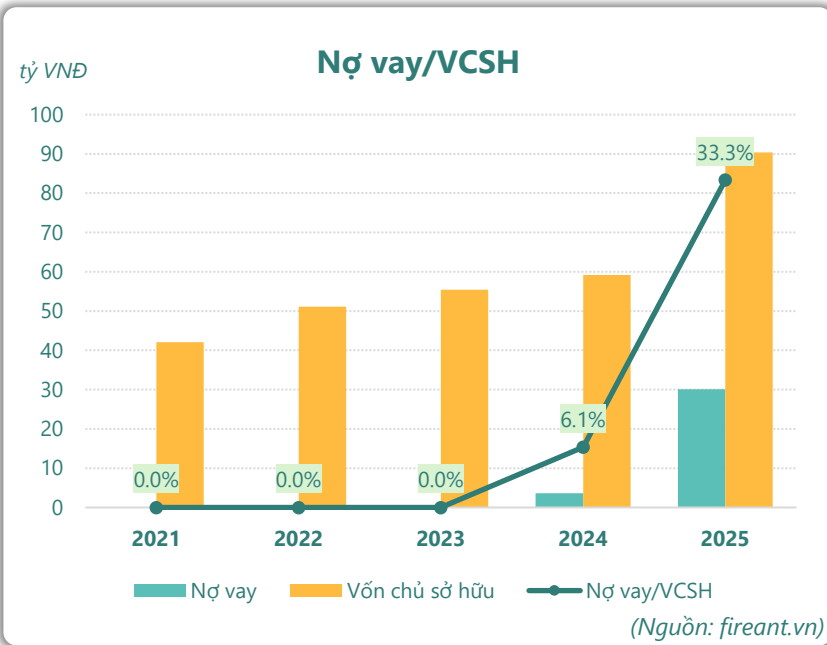
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				102	99.9	2.6%
Giá vốn hàng bán				77.5	78.3	-1.0%
Lợi nhuận gộp				25.0	21.6	15.7%
Doanh thu HĐTC				0.54	0.77	-30.3%
Chi phí TC				0.00	0.00	-96.9%
Chi phí lãi vay				0	0	
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				0	0	
Chi phí QLDN				14.4	12.1	18.8%
LN thuần từ HĐKD				11.1	10.2	8.5%
Lợi nhuận khác				-0.03	-0.06	38.5%
LN trước thuế				11.1	10.2	8.8%
Lợi nhuận sau thuế				8.75	7.98	9.6%
LNST của CĐ cty mẹ				8.75	7.98	9.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	147	81.7	79.8%
Tài sản ngắn hạn	50.6	75.4	-32.9%
Tiền và tương đương tiền	25.1	14.3	75.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	16.1	60.2	-73.3%
Hàng tồn kho	1.85	0.73	153%
Tài sản ngắn hạn khác	7.53	0.16	4680%
Tài sản dài hạn	96.2	6.25	1439%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.25	0.03	679%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	91.2	0.84	10751%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.79	5.38	-11.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	56.5	22.5	151%
Nợ ngắn hạn	26.4	18.9	39.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.9	6.07	79.2%
Nợ dài hạn	30.1	3.63	729%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.1	3.63	729%
Nguồn vốn chủ sở hữu	90.3	59.2	52.7%
Vốn chủ sở hữu	90.3	59.2	52.7%
Vốn điều lệ	53.8	27.0	99.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

